



LỊCH THI HỌC KỲ 1, NĂM HỌC 2025 - 2026
Bậc đào tạo: CAO ĐẲNG LIÊN THÔNG - KHOÁ 2025 (C2)

ST T	Lớp học	Mã học phần	Nhóm	Sĩ số	Môn thi	Thứ	Ngày thi	Thời gian thi	Giờ thi	Hình thức thi	Phòng Thi
1	25C2-NHQ	0204003916		5	Nghe 3	4	11/03/2026	60	18H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.1 - 02
2	25C2-NTN	0204004190		10	Nghe hiểu tiếng Nhật 3	4	11/03/2026	60	18H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.1 - 03
3	25C2-QDL; QKS	0204003909		29	Nghiệp vụ thanh toán nâng cao	4	11/03/2026	90	18H00	Tự luận	C2.2 - 01
4	25C2-QTD	0204004005		23	Quản trị bán hàng	4	11/03/2026	60	18H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 02
5	25C2-TCĐ	0204002487		11	Thị trường tài chính	4	11/03/2026	90	18H00	Tự luận	C2.2 - 03
6	25C2-KXD	0204001844		5	Tổ chức thi công	4	11/03/2026	90	18H00	Tự luận	
7	25C2-CĐT	0204000222		12	Vi xử lý	4	11/03/2026	90	18H00	Tự luận	
8	25C2-NNA	0204002507		45	Ngữ pháp Tiếng Anh nâng cao	4	11/03/2026	60	18H00	Trắc nghiệm trên giấy	H1.2 - 02
9	25C2-NHQ	0204004103		5	Nói 3	4	11/03/2026	120	19H45	Vấn đáp	C2.1 - 02
10	25C2-NTN	0204004191		10	Nói tiếng Nhật 3	4	11/03/2026	120	19H45	Vấn đáp	C2.1 - 03
11	25C2-QDL; QKS; QNH; KLB	0204003777	1	40	Giao tiếp trong du lịch nâng cao	4	11/03/2026	60	19H45	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 01
12	25C2-QDL; QKS; QNH; KLB	0204003777	2	40	Giao tiếp trong du lịch nâng cao	4	11/03/2026	60	19H45	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 02
13	25C2-CĐT	0204000958		12	Dung sai - Kỹ thuật đo	4	11/03/2026	60	19H45	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 03
14	25C2-TMĐ; LGT	0204003655		30	Nguyên lý kế toán	4	11/03/2026	60	19H45	Tự luận	
15	25C2-TCĐ	0204004175		11	Đàm phán trong kinh doanh	4	11/03/2026	60	19H45	Tự luận	
16	25C2-ĐCN; ĐTC; ĐĐT	0204000039		49	Điện tử công suất	4	11/03/2026	60	19H45	Trắc nghiệm trên giấy	H1.2 - 02
1	25C2-QTD	0204001538		23	Quản trị marketing	6	13/03/2026	90	18H00	Tự luận	C2.2 - 01
2	25C2-NHQ	0204004105		5	Độc 3	6	13/03/2026	60	18H00	Tự luận	
3	25C2-TĐH	0204000378		13	Kỹ thuật điều khiển tự động	6	13/03/2026	90	18H00	Tự luận	C2.2 - 02
4	25C2-LGT	0204002002		19	Marketing dịch vụ Logistics	6	13/03/2026	60	18H00	Trắc nghiệm trên giấy	
5	25C2-QNH	0204003782		16	Sinh lý dinh dưỡng	6	13/03/2026	60	18H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 03
6	25C2-TMĐ	0204001540		11	Quản trị văn phòng	6	13/03/2026	60	18H00	Trắc nghiệm trên giấy	
7	25C2-CNM	0204003425		10	Quản lý đơn hàng	6	13/03/2026	90	18H00	Tự luận	
8	25C2-CNÔ	0204004188	1	58	Dung sai - Vẽ kỹ thuật	6	13/03/2026	120	18H00	Tự luận	F2.1 - 02
9	25C2-CNÔ	0204004188	2	59	Dung sai - Vẽ kỹ thuật	6	13/03/2026	120	18H00	Tự luận	F2.1 - 03
10	25C2-TMĐ; TCD; QTD	0204003688	1	36	Kỹ năng phát triển cá nhân	6	13/03/2026	60	19H45	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 01

ST T	Lớp học	Mã học phần	Nhóm	Sĩ số	Môn thi	Thứ	Ngày thi	Thời gian thi	Giờ thi	Hình thức thi	Phòng Thi
11	25C2-TMD; TCD; QTD	0204003688	2	20	Kỹ năng phát triển cá nhân	6	13/03/2026	60	19H45	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 02
12	25C2-NHQ	0204003803		5	Ngữ pháp 3	6	13/03/2026	60	19H45	Trắc nghiệm trên giấy	
13	25C2-ĐĐT; ĐTC	0204001291		22	Điện tử tương tự	6	13/03/2026	60	19H45	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 03
14	25C2-NTN	0204004189		10	Ngữ pháp tiếng Nhật 3	6	13/03/2026	60	19H45	Trắc nghiệm trên giấy	
15	25C2-CNÔ	0204000961	1	60	Kỹ thuật điện - điện tử	6	13/03/2026	60	20H15	Trắc nghiệm trên giấy	F2.1 - 02
16	25C2-CNÔ	0204000961	2	60	Kỹ thuật điện - điện tử	6	13/03/2026	60	20H15	Trắc nghiệm trên giấy	F2.1 - 03